VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Kỳ vọng dòng tiền trở lại sau Tết

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trần Thị Ngọc Hòa

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

MIRAE ASSET Securities

[Tóm tắt]

Thế giới

- Thị trường chứng khoán Mỹ phản ứng tích cực sau khi **Tòa án Tối cao bác bỏ thuế quan đối ứng của Tổng thống Trump**.

Việt Nam

- **Tiêu điểm tuần**:
  - **Nghị định 57/2026/NĐ-CP** của Chính phủ: Về **cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp**
  - **Quyết định 261/QĐ-TTg** của Thủ tướng Chính phủ: **Chiến lược phát triển ngành thép** giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
  - **Những kết quả đạt được trong triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW trong năm 2025**: Thông báo số 72/TB-VPCP ngày 9/2/2026
  - Ngày 11/2/2026, UBND TP.HCM tổ chức lễ **ra mắt Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam tại TPHCM**
  - **Giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc**, gồm: Vietcombank, MB Bank, VPBank và HDBank
- **Tỷ giá USD/VND: Tính đến 13/2, tỷ giá USD/VND hạ nhiệt so với cuối năm 2025** (tỷ giá thị trường tự do (26.225; -2,09% YTD) và tỷ giá bán tại VCB (26.160 ; -0,82% YTD)).
- **Xu hướng lãi suất**: Lãi suất qua đêm hạ nhiệt xuống 3,76% (-484bps WoW).
- **VN-Index hồi phục lên mức 1.824,1 điểm (+3,9% WoW)**, sau ba tuần điều chỉnh trước đó**. Thanh khoản sụt giảm** -35% WoW với GTGD bình quân 19,3 nghìn tỷ đồng/ngày trong tuần trước kỳ nghỉ Tết**.**
- **Phân tích kỹ thuật:** Ngưỡng hỗ trợ 1.700–1.740; Kháng cự 1.860–1.900.
- **Định giá:** P/E hiện tại ở mức 16,4x (so với mức P/E trung bình dài hạn 17x). **Chúng tôi kỳ vọng thị trường tiếp tục duy trì đà hồi phục từ vùng định giá tương đối hấp dẫn, với dòng tiền cải thiện hơn sau kỳ nghỉ Tết**.

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VNINDEX	1,824.1	3.9
Mỹ	SPX	6,909.5	1.1
Canada	TSX	33,817.5	2.2
Nhật	NKY	56,825.7	-0.2
Trung Quốc	SHCOMP	4,082.1	0.4
Hồng Kông	Hang Seng	26,413.4	-0.6
Đài Loan	TWSE	33,605.7	5.7
Hàn Quốc	KOSPI	5,808.5	5.5
Ấn Độ	SENSEX	82,814.7	0.2
Indonesia	JCI	8,271.8	0.7
Thái Lan	SET	1,479.7	3.4
Singapore	STI	5,017.6	1.6
Malaysia	FBMKLCI	1,752.8	0.8
Philippines	PSEi	6,465.1	1.3
UK	FTSE 100	10,686.9	2.3
Pháp	CAC 40	8,515.5	2.5
Đức	DAX	25,260.7	1.4
Nga	MOEX	2,780.6	0.2
Úc	ASX 200	9,081.4	1.8
New Zealand	NZX 50	13,308.5	0.8

Trung Quốc

Nhà đầu tư vẫn quan ngại về việc **duy trì chi phí đầu tư cao cho AI** cũng như rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng ở một số lĩnh vực.

Thị trường cũng đang dồn sự chú ý vào **cuộc gặp thượng đỉnh dự kiến diễn ra vào tháng 4 tới giữa Chủ tịch Tập Cận Bình và Tổng thống Donald Trump**.

Nhật Bản

Tăng trưởng GDP trong quý 4/2025 thấp hơn dự kiến (+0,2% QoQ), trong khi **lạm phát tiêu dùng tháng 1 ghi nhận tốc độ tăng chậm nhất trong vòng hai năm** (+2% YoY; so với mức +2,4% YoY trong tháng 12/2025).

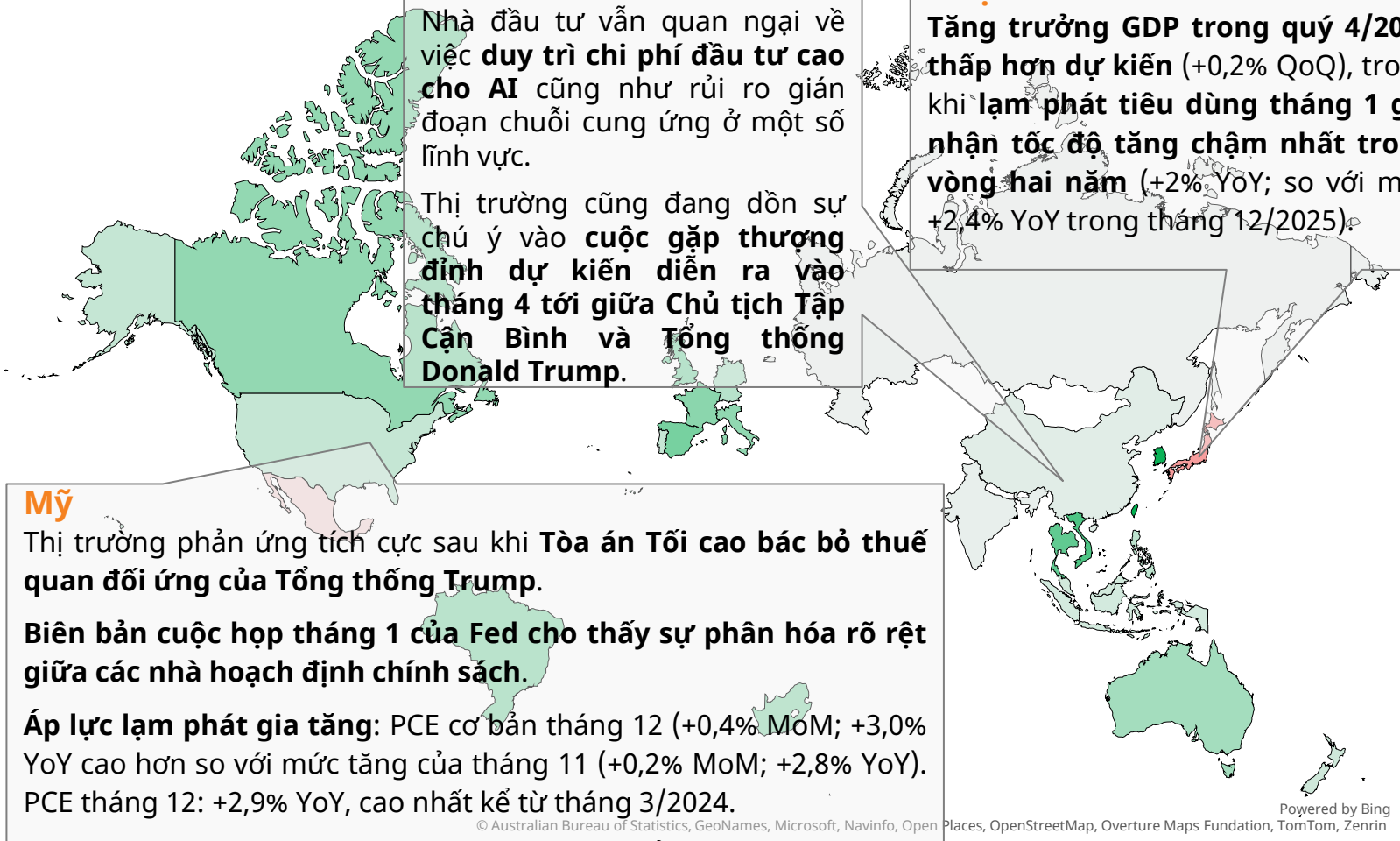

Mỹ

Thị trường phản ứng tích cực sau khi **Tòa án Tối cao bác bỏ thuế quan đối ứng của Tổng thống Trump**.

Biên bản cuộc họp tháng 1 của Fed cho thấy sự phân hóa rõ rệt giữa các nhà hoạch định chính sách.

Áp lực lạm phát gia tăng: PCE cơ bản tháng 12 (+0,4% MoM; +3,0% YoY cao hơn so với mức tăng của tháng 11 (+0,2% MoM; +2,8% YoY). PCE tháng 12: +2,9% YoY, cao nhất kể từ tháng 3/2024.

Tăng trưởng kinh tế Mỹ chậm lại đáng kể trong quý 4/2025 (+1,4% QoQ, so với quý 3: +4,4%), chủ yếu do chi tiêu chính phủ và xuất khẩu giảm mạnh, và tiêu dùng chững lại.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và Investing, cập nhật tới 20/02/2026 (ngoại trừ chỉ số VNINDEX, SHCOMP, TWSE cập nhật tới 13/02/2026, do thị trường chứng khoán Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan đóng cửa trong kỳ nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài từ ngày 16–23/2). Màu trên biểu đồ thế giới đại diện cho mức biến động tuần của các chỉ số chứng khoán các nước.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

- **Dầu thô WTI**: Duy trì ở vùng đỉnh 6 tháng trước rủi ro địa chính trị. Giá dầu thô biến động quanh ngưỡng 66 USD/thùng (+5,6% WoW) trong phiên giao dịch thứ Sáu, tiệm cận mức cao nhất trong vòng 6 tháng qua.

- **Vàng**: Tiếp tục bứt phá nhờ vai trò tài sản trú ẩn. Giá vàng nhích tăng nhẹ (+1,3% WoW) trong bối cảnh bất ổn địa chính trị gia tăng.

Một số loại hàng hóa theo dõi	Giá	Thay đổi giá (%)			
		1 tuần	1 tháng	3 tháng	1 năm
Giá vàng (USD/ozt)	5,107	1.3	5.7	25.6	73.8
Chỉ số giá hàng hóa Bloomberg	120	2.0	2.0	11.3	11.1
Năng lượng					
Dầu thô WTI (USD/bbl.)	66	5.6	9.5	14.3	-8.5
Dầu Brent (USD/bbl.)	72	5.9	10.0	14.7	-6.2
Xăng (USD/gal.)	200	4.5	7.5	6.0	-4.3
Khí tự nhiên (USD/MBBtu)	3	-6.0	-37.5	-33.5	-26.6
Than (USD/T)	113	7.1	14.8	15.6	14.9
Kim loại					
Thép (USD/MT)	2,900	0.0	-5.3	-3.8	-11.5
HRC (USD/T)	981	0.2	4.3	14.5	25.9
Quặng sắt (USD/T)	100	0.0	-2.4	0.3	-2.2
Đồng (USD/Lbs)	584	0.6	1.2	16.4	26.6
Nickel (USD/T)	17,203	2.5	-3.6	20.1	10.9
Nhôm (USD/MT)	3,092	1.6	-0.2	11.7	13.1
Nông nghiệp					
Bắp (USD/bu.)	428	-1.0	1.4	0.5	-14.2
Lúa mì (USD/bu.)	574	4.5	12.9	8.8	-2.0
Đậu nành (USD/bu.)	1,138	0.4	6.9	1.1	8.8
Đường (USD/lb.)	14	3.8	-3.0	-3.2	-32.1
Cao su (USD/kg)	194	0.8	7.5	13.5	-5.7
Heo (USD/Lbs)	94	7.7	6.6	20.4	5.8
Chỉ số vận tải biển quốc tế					
Baltic Dry Index (điểm)	2,043	-1.9	13.3	-10.2	117.1
Capesize	3,051	-4.1	11.7	-16.5	232.7
Panamax	1,838	3.4	14.4	-4.7	60.7
Supramax	1,159	-2.3	16.4	-19.1	33.8

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 20/02/2026.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Sự kiện thế giới chính trong tuần

- **Mỹ**: **Tâm điểm chú ý trong tuần là báo cáo Chỉ số giá sản xuất (PPI)**. Theo mức kỳ vọng chung của thị trường, chỉ số PPI tổng thể được dự báo tăng 0,3% MoM trong tháng 1, chậm lại so với mức tăng 0,5% của tháng 12. Trong khi đó, PPI cơ bản tháng 1 dự kiến tăng 0,3% MoM (tháng 12: +0,7% MoM).

Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
23/02/2026				
10:00 PM	US	Đơn đặt hàng nhà máy (MoM) (T12)	2.7%	1.1%
10:30 PM	US	Chỉ số Sản xuất của Fed Dallas (T2)	-1.2	-0.8
24/02/2026				
8:00 AM	CN	Lãi suất cho vay Cơ bản (LPR) kỳ hạn 1 năm	3.0%	3.0%
8:00 AM	CN	Lãi suất cho vay Cơ bản (LPR) kỳ hạn 5 năm (T2)	3.5%	3.5%
8:15 PM	US	Thay đổi Việc làm khu vực tư nhân (ADP)	10.25K	
9:00 PM	US	Chỉ số Giá nhà S&P/Case-Shiller (YoY) (T12)	1.4%	1.5%
10:00 PM	US	Niềm tin Người tiêu dùng của Conference Board (T2)	84.5	86.0
25/02/2026				
4:00 PM	EA	Chỉ Số Giá Tiêu Dùng (CPI) YoY (T1)	2.0%	1.7%
26/02/2026				
8:00 AM	KR	Quyết định Lãi suất	2.5%	2.5%
8:30 PM	US	Số đơn Xin trợ cấp Thất nghiệp Lần đầu	206K	211K
27/02/2026				
6:30 AM	JP	Chỉ số CPI cơ bản của Tokyo YoY	1.5%	1.6%
8:30 PM	**US**	**Chỉ số giá sản xuất (PPI) (MoM) (T1)**	**0.5%**	**0.3%**
8:30 PM	**US**	**Chỉ số giá sản xuất cơ bản (MoM) (T1)**	**0.7%**	**0.3%**

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics và Bloomberg. Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Nghị định 57/2026/NĐ-CP của Chính phủ: **Về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp** (hiệu lực từ 13/2/2026)

Danh mục **20 doanh nghiệp** Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ cấu lại vốn Nhà nước:

(1) Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng quốc gia Việt Nam (PVN)
(2) Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
(3) Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
(4) Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
(5) Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem)
(6) Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - VRG (GVR)
(7) Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)
(8) Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
(9) Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines - HVN)
(10) Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC - MVN)
(11) Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (VNR)
(12) Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)
(13) Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV)
(14) Tổng Công ty Cà phê Việt Nam
(15) Tổng Công ty Lương thực miền Nam (VSF)
(16) Tổng Công ty Lương thực miền Bắc (Vinafood1)
(17) Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam (Vinafor)
(18) Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
(19) Tập đoàn Bảo Việt (BVH)
(20) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)

- Việc cổ phần hóa **gắn liền với mục tiêu tăng cường hiệu quả kinh doanh, năng lực hoạt động, và cạnh tranh của doanh nghiệp**.
- **Nhà đầu tư chiến lược** phải có năng lực tài chính (có lãi trong 2 năm gần nhất, không có lỗ lũy kế) và năng lực quản trị hoặc công nghệ trong lĩnh vực cốt lõi tối thiểu 3 năm. Cam kết duy trì ngành nghề kinh doanh chính và thương hiệu ít nhất 3 năm, đồng thời không chuyển nhượng cổ phần trong thời gian này.
- **Thúc đẩy minh bạch và niêm yết trên thị trường chứng khoán**: Nghị định yêu cầu trong vòng 90 ngày kể từ ngày chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng và thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM hoặc niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.
- **Công khai và đấu giá cạnh tranh trong chuyển nhượng vốn**: Việc bán cổ phần hoặc chuyển nhượng vốn nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch và thu hồi vốn ở mức cao nhất.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ thông tin Chính phủ

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Quyết định 261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: **Chiến lược phát triển ngành thép** giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Tiêu chí	Mục tiêu đến năm 2030	Mục tiêu đến năm 2035	Mục tiêu đến năm 2050
Sản lượng thép thô	25–26 triệu tấn/năm	33–36 triệu tấn/năm	65–70 triệu tấn/năm
Tăng trưởng thép thô	7,0%–8,0%/năm	6,0%–7,0%/năm	4,0%–4,5%/năm
Sản lượng thép thành phẩm	32–33 triệu tấn/năm	40–43 triệu tấn/năm	75–80 triệu tấn/năm
Tăng trưởng thép thành phẩm	5,5%–6,5%/năm	4,5%–5,5%/năm	3,5%–4,0%/năm
Tiêu thụ bình quân đầu người	270–280 kg/người/năm	340–360 kg/người/năm	570–650 kg/người/năm
Khả năng đáp ứng nhu cầu nội địa	80%–85%	85%–90%	Đáp ứng tối đa nhu cầu
Định hướng cơ cấu sản phẩm	Tập trung thép hợp kim, không gỉ, thép chất lượng cao cho chế tạo, ô tô, đóng tàu, năng lượng	Tiếp tục tăng tỷ lệ thép giá trị gia tăng cao; bổ sung thép cho quốc phòng an ninh	Tham gia sâu vào chuỗi cung ứng ngành thép thế giới

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ thông tin Chính phủ

- **Vị thế chiến lược**: Ngành thép được xác định là **ngành công nghiệp nền tảng**, đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Chiến lược nhấn mạnh việc xây dựng ngành thép độc lập, tự chủ, **tận dụng tối đa nguồn lực trong nước và ưu tiên phát triển khu vực kinh tế tư nhân**.
- **Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang giá trị gia tăng cao**: Chiến lược ưu tiên dịch chuyển từ các sản phẩm thép xây dựng thông thường sang các nhóm sản phẩm phục vụ công nghiệp chế tạo, bao gồm: thép cuộn cán nóng (HRC), thép hợp kim, thép không gỉ, thép chất lượng cao phục vụ đóng tàu, ô tô, năng lượng và quốc phòng.
- **Lộ trình "Thép Xanh" và Net Zero 2050**: Ngành thép chuyển đổi công nghệ sản xuất **theo hướng thân thiện với môi trường**, giảm phát thải khí nhà kính. Mục tiêu là ứng dụng các dẫn xuất hydrogen (H2) và amoniac (NH3) trong luyện kim để đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.
- **Phát triển dựa trên mô hình Kinh tế tuần hoàn**: Khuyến khích sử dụng công nghệ thu hồi nhiệt dư, tuần hoàn nước và đặc biệt là thúc đẩy hoạt động thu gom, chế biến thép phế liệu để làm nguyên liệu đầu vào, giảm phụ thuộc vào quặng sắt nhập khẩu.
- **Quy hoạch không gian dựa trên lợi thế cảng biển**: Ưu tiên phân bổ các dự án sản xuất thép quy mô lớn tại các khu vực có cảng nước sâu để **tối ưu hóa logistics**. Các cụm trọng điểm bao gồm: Dung Quất (Quảng Ngãi), Vũng Áng (Hà Tĩnh), Nghi Sơn (Thanh Hóa), Bà Rịa - Vũng Tàu và Phú Mỹ.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Những kết quả đạt được trong triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW trong năm 2025: Thông báo số 72/TB-VPCP ngày 9/2/2026

Nghị quyết số 68-NQ/TW đã góp phần tạo lực, tạo nền tảng để thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển

(Chinhphu.vn) - Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 72/TB-VPCP ngày 9/2/2026 kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo tại Phiên họp lần thứ tư Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị.

09/02/2026 - 17:48

Nghị quyết số 68-NQ/TW đã góp phần tạo lực, tạo nền tảng để thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển

- Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong phát triển nền kinh tế, xác định rõ **vai trò của kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất**.
- **Hoàn thiện khung khổ pháp lý tương đối đầy đủ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân**. Trong đó, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành 15 luật, 01 Nghị quyết của Quốc hội; ban hành hàng trăm Nghị định trên các lĩnh vực liên quan đến phát triển khu vực kinh tế tư nhân.
- **Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại**. Trong năm 2025, đã tập trung khởi công, khánh thành 564 công trình, dự án với tổng mức đầu tư trên 5,14 triệu tỷ đồng, trong đó nguồn vốn tư nhân đóng góp 3,84 triệu tỷ đồng (chiếm 74,6%).
- **Cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh**; theo đó đã cắt giảm trên 30% số lượng thủ tục hành chính, thời gian giải quyết thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ, vượt mục tiêu đề ra. **Nâng cao cơ hội tiếp cận vốn, đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh... cho doanh nghiệp**.
- **Kinh tế tư nhân phấn đấu tăng trưởng 2 con số**: Thủ tướng Chính phủ đặt mục tiêu trong thời gian tới khu vực kinh tế tư nhân phải tăng trưởng 2 con số để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 con số.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ thông tin Chính phủ

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Ra mắt Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam (VIFC)

- Ngày 11/2/2026, UBND TP.HCM tổ chức lễ ra mắt Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam tại TPHCM (VIFC-HCMC) với sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ. Sự kiện đánh dấu thời điểm Trung tâm chính thức đi vào vận hành, mở ra giai đoạn phát triển mới trong tiến trình hội nhập tài chính quốc tế của Việt Nam.
- **Cơ cấu thành viên nòng cốt**:
  - **7 thành viên sáng lập**: NASDAQ (Sàn chứng khoán Mỹ), VinaCapital, Tập đoàn Sovico, Ngân hàng MB, TPBank, SHB, Sơn Kim Capital
  - **6 thành viên chiến lược**: Liên minh Kinh tế On-chain (On-chain Economy Alliance), TikTok, Tập đoàn Gemadept, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC), Ngân hàng Nam Á, Đại học Kinh tế TP.HCM
- **Định hướng**: VIFC hoạt động như một hệ sinh thái mở, kết nối tài chính với nền kinh tế thực (Hạ tầng, Logistics, Chuyển đổi xanh và Đổi mới sáng tạo).

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ vietstock

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Việc thực hiện quyền giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc

- **Giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc, gồm: Vietcombank, MB, VPBank và HDBank**. Tháng bắt đầu áp dụng theo đề nghị của các ngân hàng hoặc theo tháng có văn bản của Sở Giao dịch thông báo việc áp dụng giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
- Thời hạn áp dụng giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc được thực hiện trong thời gian thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ thoibaotaichinhvietnam

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt trong tuần trước Tết

- **Tỷ giá USD/VND:** Tính đến 13/2, thị trường tự do (26.225; -3,88% WoW; -2,09% YTD) hạ nhiệt đáng kể, trong khi tỷ giá bán tại VCB (26.160 ; +0,08% WoW; -0,82% YTD) tăng nhẹ so với tuần trước. Tính từ đầu năm đến nay, **tỷ giá USD/VND hạ nhiệt so với cuối năm 2025.**
- **Tính đến ngày 12/2, lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt đáng kể ở kỳ hạn qua đêm** (3,76%; -484bps WoW).
- **Trong tuần 9–13/2, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bơm gần 69,7 nghìn tỷ đồng qua nghiệp vụ thị trường mở** (mua kỳ hạn 14–56 ngày), tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5% (sau khi tăng 50bps kể từ ngày 3/12/2025). Theo đó, thanh khoản thị trường liên ngân hàng đã tăng thêm hơn 68,7 nghìn tỷ đồng.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY

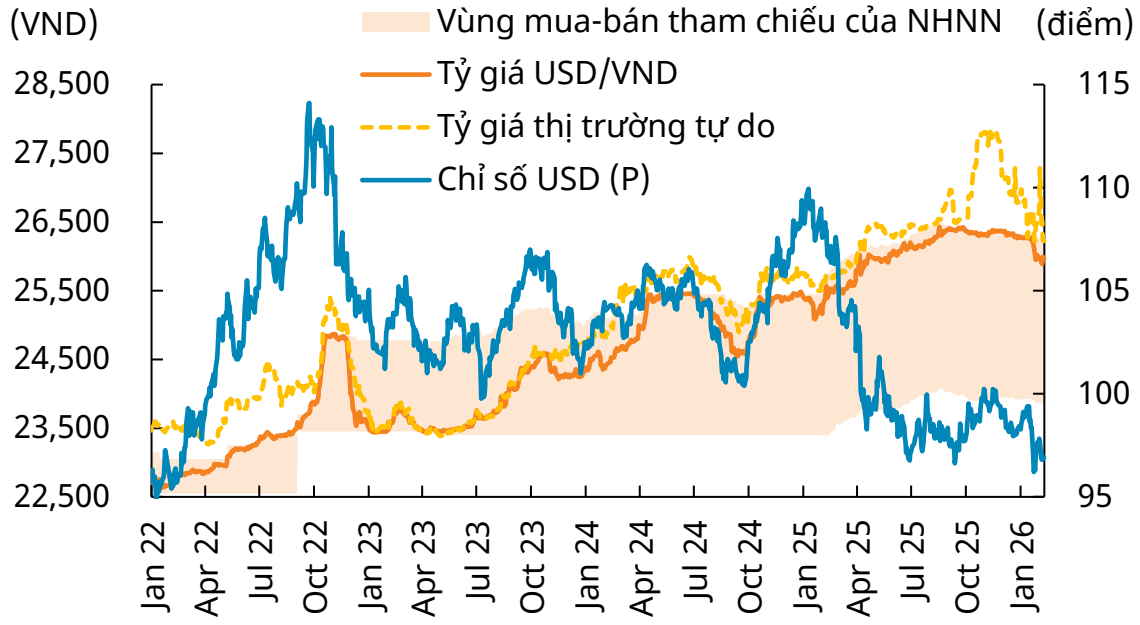

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 13/02/2026.

Lãi suất liên ngân hàng

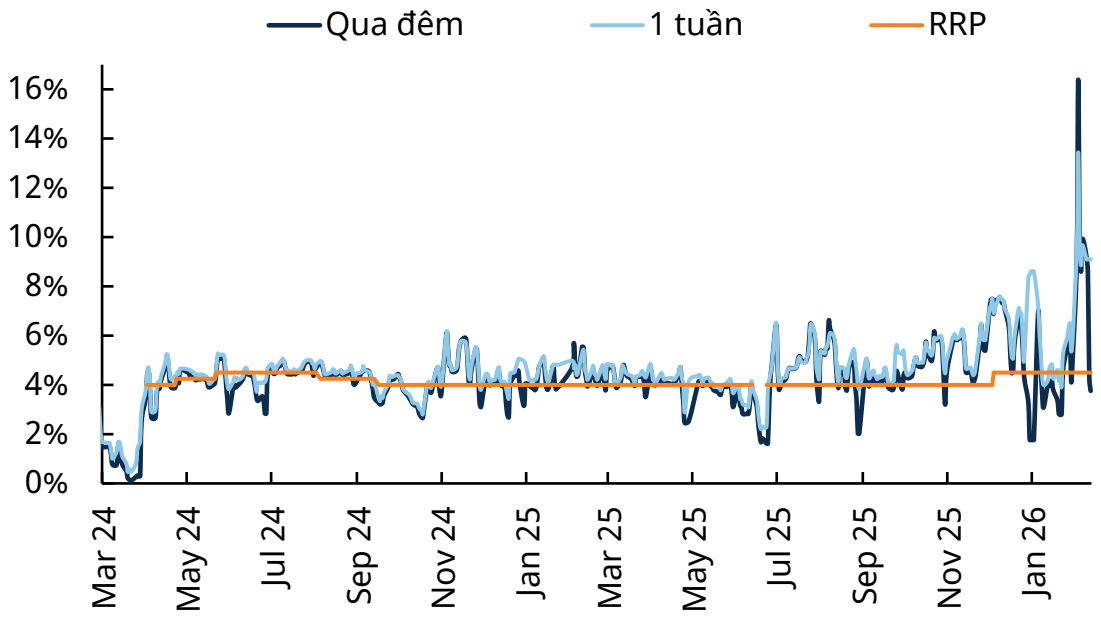

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 12/02/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất: P/E thị trường ở mức 16,4x (so với trung bình dài hạn: 17x)

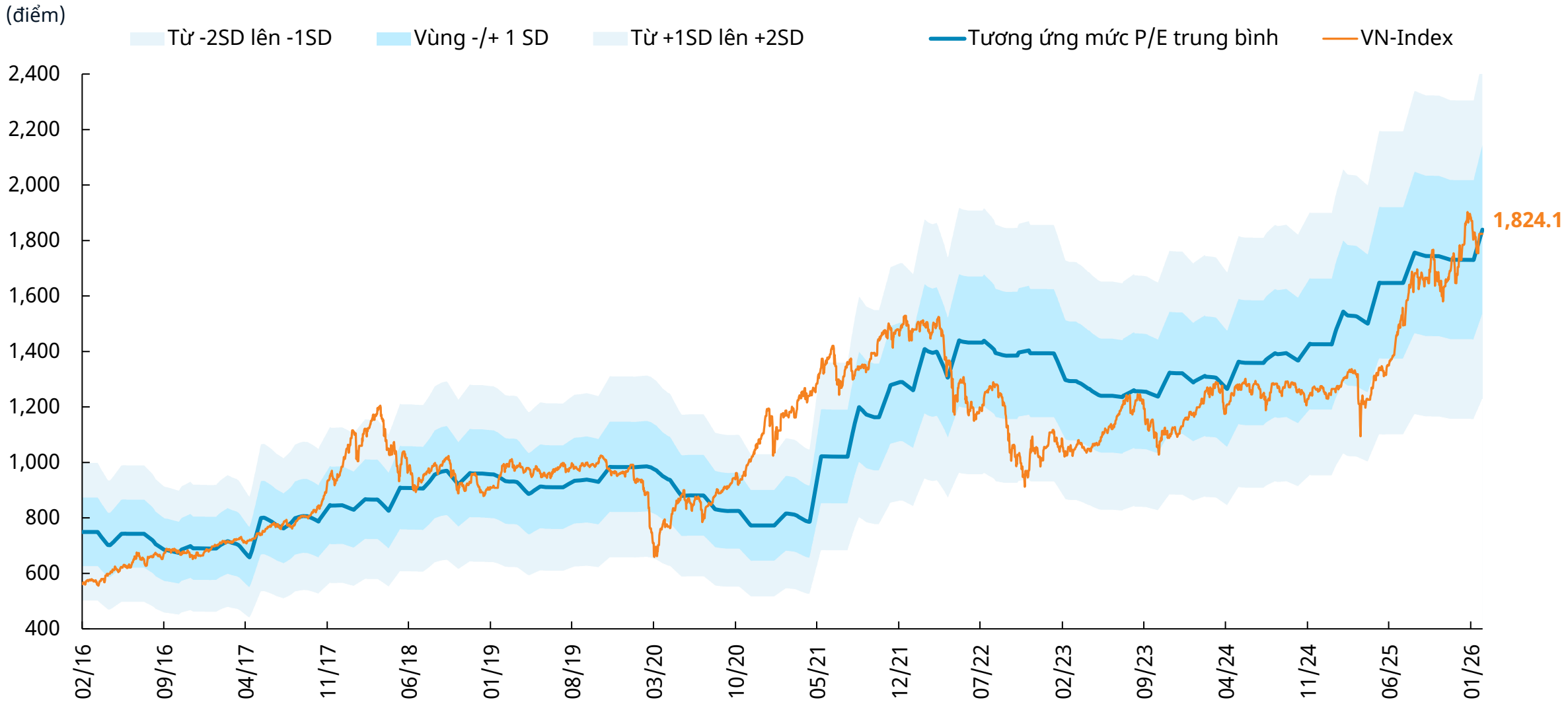

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/02/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Kỳ vọng dòng tiền trở lại sau Tết

- **VN-Index hồi phục lên mức 1.824,1 điểm (+3,9% WoW)**, sau ba tuần điều chỉnh trước đó.
    - **Nhóm đóng góp tích cực: Bất động sản** (VIC, VHM)**, Dịch vụ tài chính** (TCX, VCK), và **Ngân hàng** (VPB, CTG, HDB, MBB)
    - **Nhóm đóng góp tiêu cực: Tiện ích** (GAS, PLX)
    - **Thanh khoản sụt giảm** 35% WoW với GTGD bình quân 19,3 nghìn tỷ đồng/ngày trong tuần trước kỳ nghỉ lễ.
    - **Khối ngoại mua ròng** 3,13 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: -9,03 nghìn tỷ đồng). **Cá nhân trong nước bán ròng** 2,39 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: +1,12 nghìn tỷ đồng). **Tổ chức trong nước bán ròng** 0,74 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: +7,91 nghìn tỷ đồng).
- **Phân tích kỹ thuật:** Ngưỡng hỗ trợ 1.700–1.740; Kháng cự 1.860–1.900.
- **Định giá:** P/E hiện tại ở mức 16,4x (so với mức P/E trung bình dài hạn 17x). **Chúng tôi kỳ vọng thị trường tiếp tục duy trì đà hồi phục từ vùng định giá tương đối hấp dẫn, với dòng tiền cải thiện hơn sau kỳ nghỉ Tết**.
- **Các động lực hỗ trợ thị trường**, bao gồm:
    - Nâng hạng thị trường: tiềm năng tái định giá thị trường và cải thiện thanh khoản;
    - Cả ba thành phần kinh tế được chú trọng: Kinh tế Nhà nước, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;
    - Sự hồi phục bán lẻ kỳ vọng tiếp tục duy trì;
    - Đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh trong 2026 và giai đoạn 2026–2030.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu suất giao dịch của tuần theo ngành

Bất động sản, Dịch vụ tài chính và Ngân hàng là những ngành chính đóng góp tích cực, trong khi **Tiện ích giảm điểm mạnh nhất**.

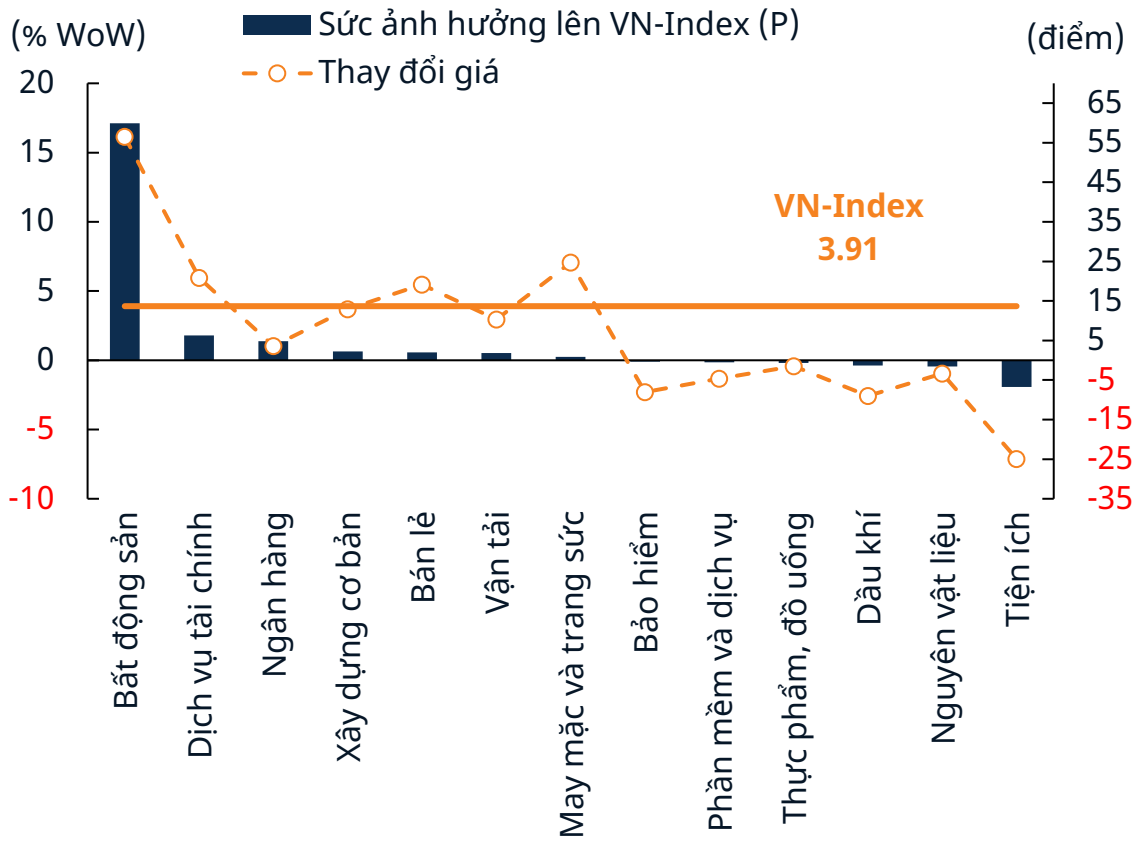

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/02/2026.

Top cổ phiếu tác động trong tuần

VIC, VHM đóng góp tăng điểm chính.

GAS, BID, GVR, PLX đóng góp giảm điểm chính.

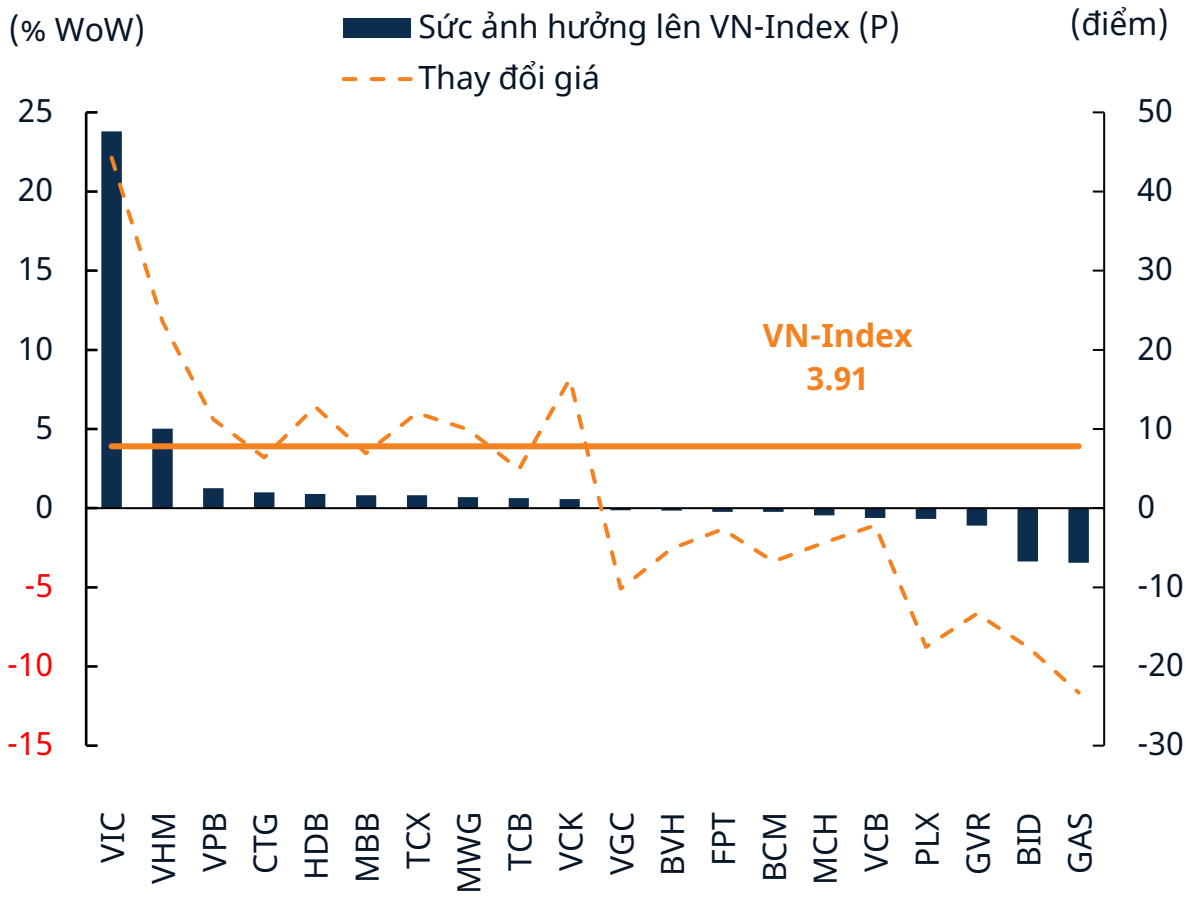

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/02/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Giá trị giao dịch hàng tuần theo nhóm nhà đầu tư tại HOSE

Khối ngoại mua ròng 3,13 nghìn tỷ đồng. **Cá nhân và tổ chức trong nước bán ròng** lần lượt 2,39 nghìn tỷ đồng và 0,74 nghìn tỷ đồng.

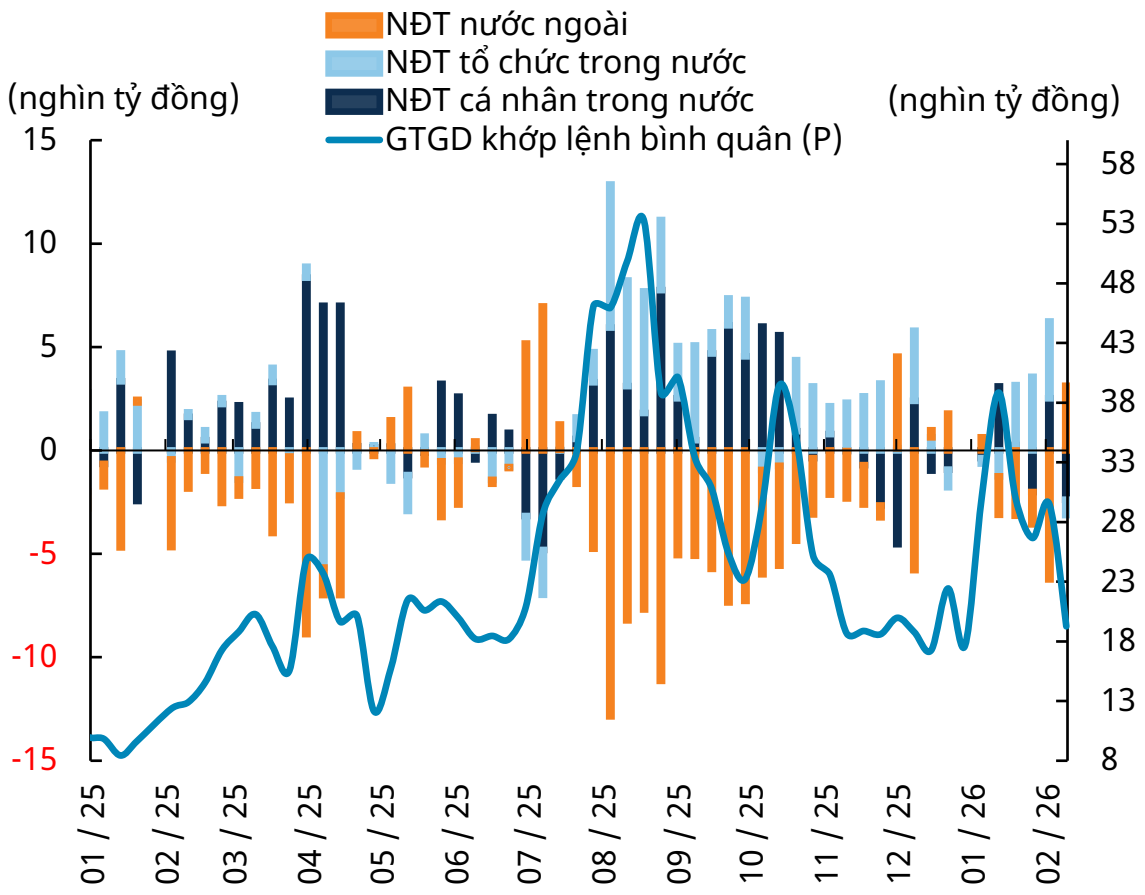

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/02/2026.

Đánh giá xếp hạng của chúng tôi về thanh khoản thị trường theo ngành

GTGD bình quân 19,3 nghìn tỷ đồng/ngày (-35% WoW) trong tuần trước kỳ nghỉ lễ Tết.

Phân ngành GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD
	23/1/2026	30/1/2026	6/2/2026	13/2/2026	(WoW)
VN-Index				**38%**	**-35%**
May mặc và trang sức				77%	-49%
Phần mềm và dịch vụ				62%	-36%
Bảo hiểm				54%	-57%
Dầu khí				54%	-42%
Tiện ích				54%	-39%
Ngân hàng				54%	-15%
Bán lẻ				46%	-38%
Nguyên vật liệu				38%	-54%
Vận tải				23%	-23%
Thực phẩm, đồ uống				15%	-57%
Dịch vụ tài chính				15%	-38%
Xây dựng cơ bản				8%	-38%
Bất động sản				8%	-32%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. **Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần.** Tích cực (xanh) biểu thị 33,33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top ngành khối ngoại mua/bán ròng trong tuần

- Mua ròng: **Ngân hàng** (1.655 tỷ đồng), **Bất động sản** (843 tỷ đồng), **Bán lẻ** (521 tỷ đồng), **Dịch vụ tài chính** (362 tỷ đồng).
- Bán ròng: **Phần mềm và dịch vụ** (1.264 tỷ đồng).

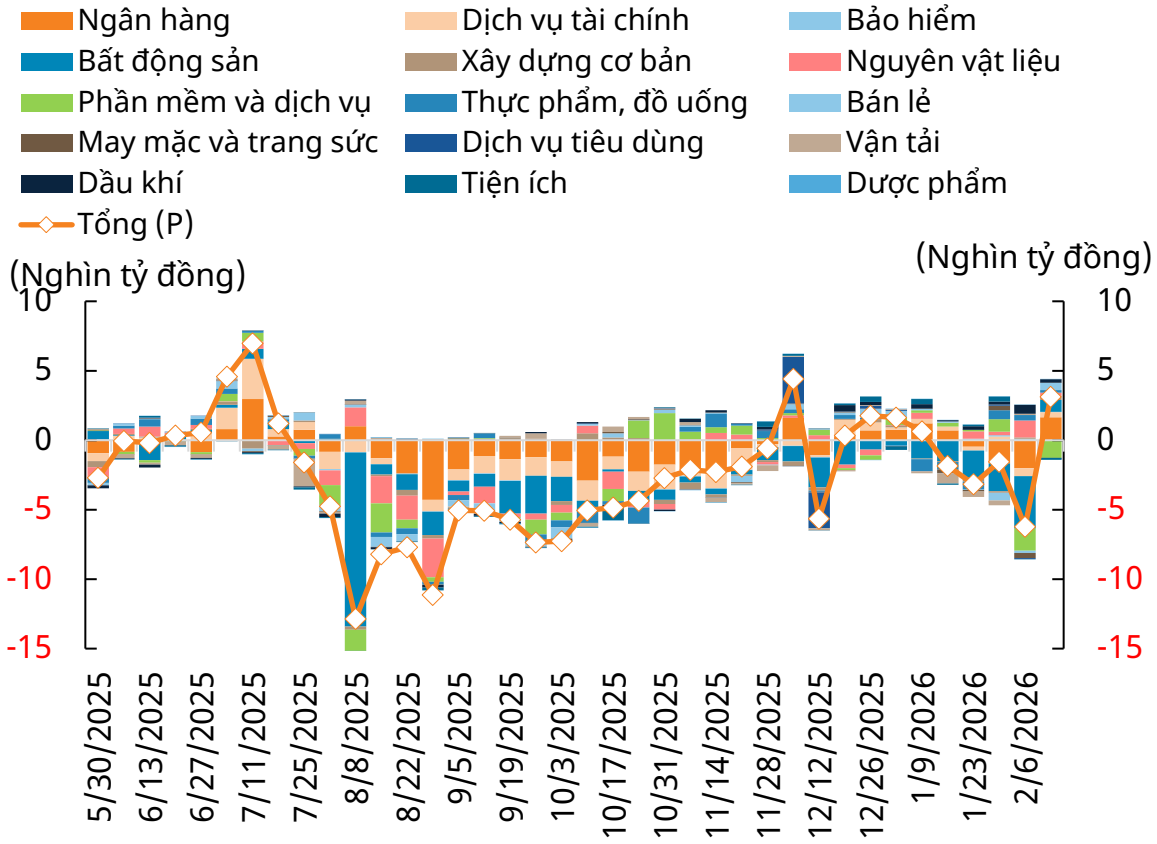

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/02/2026.

Top cổ phiếu khối ngoại mua/bán ròng trong tuần

- Mua ròng: **MBB** (2.165 tỷ đồng), **VIC** (433 tỷ đồng), **MWG** (423 tỷ đồng);
- Bán ròng: **FPT** (1.253 tỷ đồng), **VCB** (715 tỷ đồng), **ACB** (447 tỷ đồng).

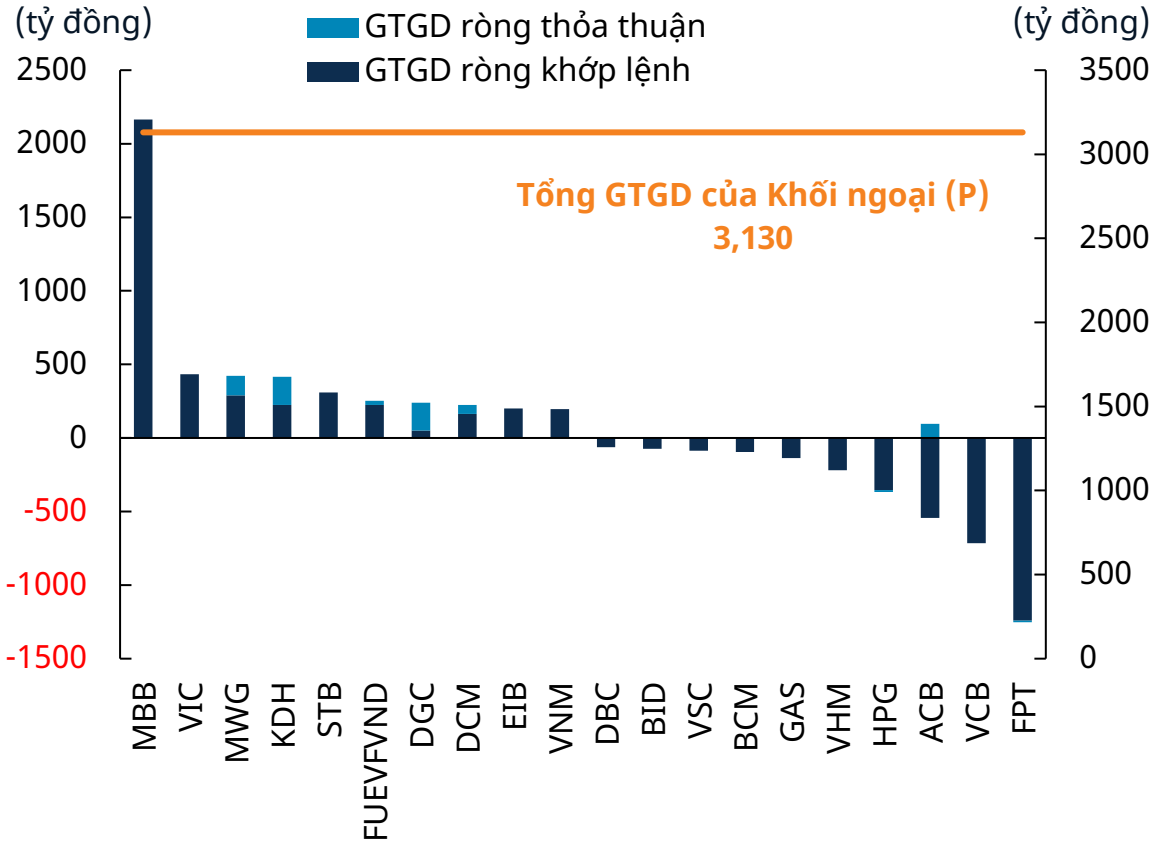

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/02/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		**8,495,335**	**1,824.1**	**1,901.2**	**1,158.2**	**0.6**	**3.9**	**-4.1**	**43.6**	**16.4**	**2.3**	**15.0**	**14.73**	**28.25**
VN30 Index		**5,986,927**	**2,018.6**	**2,102.8**	**1,208.4**	**0.1**	**3.9**	**-3.4**	**50.9**	**15.5**	**2.4**	**16.6**	**18.12**	**17.33**
VN100 Index		**7,410,460**	**1,904.2**	**1,979.5**	**1,188.9**	**0.4**	**4.8**	**-3.7**	**43.4**	**14.6**	**2.1**	**15.2**	**16.32**	**23.68**
VNDiamond Index		**1,859,190**	**2,735.7**	**2,795.1**	**1,894.2**	**-0.2**	**4.1**	**1.7**	**22.9**	**12.8**	**2.1**	**16.3**	**26.32**	**3.35**
Ngân hàng	VCB	538,105	64,400	76,000	55,600	0.3	-1.1	-13.0	5.1	7.2	1.2	17.1	20.80	9.20
	BID	329,302	46,900	54,500	33,550	-1.4	-8.8	-8.0	17.3	10.2	1.7	17.8	17.31	12.69
	CTG	299,804	38,600	41,550	25,132	1.6	3.2	-6.5	36.7	18.1	4.9	30.5	25.40	4.60
	TCB	251,207	35,450	41,650	24,150	0.0	2.5	-5.1	36.6	11.3	1.5	14.3	22.54	0.00
	VPB	224,530	28,300	38,250	16,450	0.2	5.6	-7.2	49.7	16.9	3.8	23.7	24.86	5.14
	MBB	227,956	28,300	29,500	15,985	-0.2	3.5	2.7	63.1	7.0	0.9	14.2	23.22	0.02
	HDB	141,149	28,200	29,700	15,036	1.3	6.4	-0.9	61.1	9.2	2.0	23.9	22.84	4.16
	LPB	125,615	42,050	53,700	29,000	0.5	0.4	0.4	11.5	7.8	1.5	20.8	0.79	4.21
	ACB	122,509	23,850	29,400	19,565	0.0	3.7	-4.2	6.7	7.4	1.4	20.4	27.36	2.64
	STB	118,015	62,600	66,100	34,100	2.5	1.8	15.7	61.3	7.4	1.4	21.6	14.72	15.28
	SHB	70,973	15,450	19,100	8,730	0.7	0.7	-7.5	80.3	6.3	1.1	19.5	3.43	26.57
	VIB	58,719	17,250	24,800	15,175	0.9	3.3	-7.0	-3.8	14.8	1.8	12.7	4.76	0.23
	SSB	48,365	17,000	23,800	16,550	0.3	1.2	-4.0	-10.8	7.5	1.2	17.4	0.15	4.85
	TPB	48,546	17,500	21,714	11,810	2.0	4.2	-2.2	8.7	12.0	1.8	15.2	25.01	4.99
	EIB	43,029	23,100	30,900	16,900	3.4	12.1	-1.7	20.6	11.3	1.0	8.8	3.49	26.48
	MSB	37,596	12,050	15,625	8,750	-0.4	0.4	-6.2	27.4	35.2	3.5	10.5	29.31	0.69
	OCB	30,891	11,600	15,400	9,093	0.0	0.4	-5.3	11.4	18.1	1.5	8.8	19.66	2.34
	NAB	24,105	14,050	17,000	12,080	0.0	0.4	-5.7	1.2	33.0	1.0	3.3	1.53	28.47
Dịch vụ tài chính	SSI	78,220	31,400	40,214	20,403	0.5	5.0	-4.1	39.0	18.6	2.3	13.5	32.41	67.59
	VIX	34,534	22,550	40,150	10,571	3.0	6.4	-7.6	135.6	88.7	5.6	6.3	7.85	92.15
	VND	28,315	18,600	27,350	13,200	1.6	5.4	-10.6	47.0	60.7	4.3	7.9	10.94	89.06
	VCI	26,375	36,500	49,450	32,700	1.7	6.6	2.4	4.6	3.9	1.4	41.3	17.32	82.68
	HCM	25,487	23,600	30,400	19,675	1.3	4.9	-7.5	2.0	7.2	1.6	24.8	33.50	15.50
	FTS	11,365	32,800	46,727	31,850	0.9	3.0	-3.5	-11.8	12.5	2.3	19.6	24.86	75.14
	DSE	10,321	24,100	31,225	18,910	0.4	3.0	-2.8	8.4	47.2	1.6	3.3	11.23	88.77
	BSI	9,324	38,000	56,000	37,050	-0.3	1.3	-11.0	-7.7	20.8	1.9	9.4	35.41	64.59
	EVF	9,203	12,100	16,500	8,450	5.2	6.1	3.4	26.2	18.9	4.8	27.4	0.41	14.59
	CTS	6,551	30,800	46,500	22,273	1.0	2.7	-10.7	28.2	6.3	1.3	22.1	0.37	48.63

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 13/02/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	56,417	76,000	82,000	42,700	-0.8	-2.6	11.9	39.7	14.6	1.8	13.1	27.15	21.85
Bất động sản	VIC	1,232,965	160,000	180,200	20,325	0.6	22.1	-4.7	695.0	8.3	1.4	18.4	2.77	45.25
	VHM	447,708	109,000	142,800	40,250	0.0	11.8	-18.7	181.3	8.4	1.3	16.9	8.09	41.91
	VPL	153,507	85,600	109,100	70,900	0.2	3.1	-9.8	0.0	47.6	3.4	8.0	1.01	47.99
	VRE	67,715	29,800	43,550	17,100	-0.5	6.2	-11.2	79.0	15.0	1.6	11.3	11.72	37.28
	KBC	32,161	34,150	43,100	21,800	-0.7	-0.1	-4.7	18.6	202.5	2.3	1.1	11.10	37.90
	KDH	31,759	28,300	37,500	22,091	-0.7	11.4	-5.7	-7.9	559.1	3.6	0.6	28.15	21.85
	PDR	17,049	17,400	27,200	13,935	-1.7	2.4	-3.3	-0.8	17.6	1.7	10.4	6.93	43.07
	VPI	19,203	60,000	62,300	48,000	0.5	5.6	11.1	4.5	10.7	1.4	14.2	9.63	39.37
	DXG	17,520	15,750	24,200	11,368	0.0	10.1	-2.8	28.0	15.5	0.9	6.0	22.25	27.75
	SJS	14,725	49,500	79,000	32,819	1.6	-0.8	-13.6	38.0	59.9	5.6	9.8	0.58	49.42
	SIP	14,357	59,300	79,913	50,700	-0.2	-1.2	6.8	-15.6	11.2	2.8	27.5	2.82	46.18
	NLG	14,071	29,000	43,159	23,825	-2.4	7.2	-6.3	-2.2	11.1	1.5	14.6	42.71	7.29
	HDG	9,897	26,750	36,200	18,773	-0.2	2.5	-0.9	9.0	12.2	0.6	5.5	19.27	30.73
	KOS	8,259	38,150	42,150	36,850	0.0	-0.1	-1.7	-2.9	14.4	3.4	24.6	0.23	48.77
	BCM	65,516	63,300	80,000	53,800	0.8	-3.4	-7.7	-9.7	19.1	3.3	18.2	1.30	32.70
	NVL	28,235	12,650	19,050	8,910	-2.3	3.7	-0.8	40.2	9.3	1.2	12.9	7.23	41.77
	HDC	4,255	21,300	37,768	18,616	-0.2	1.2	-2.7	-0.8	34.9	1.9	5.5	1.60	47.40
	DXS	4,251	7,340	13,950	5,660	1.9	5.5	-12.6	10.5	13.1	1.5	12.0	7.14	42.86
Nguyên vật liệu	HPG	206,086	26,850	30,100	19,583	-0.2	0.2	-1.5	24.4	14.5	0.9	6.6	20.74	28.26
	GVR	145,600	36,400	41,800	23,300	3.0	-6.7	7.1	23.6	12.8	1.8	13.8	0.71	12.29
	DGC	25,977	68,400	112,800	60,100	0.9	4.7	8.4	-37.0	16.5	2.7	17.4	6.33	42.67
	DCM	20,752	39,200	42,100	27,900	0.8	1.0	10.0	8.0	12.7	2.4	20.2	5.47	43.53
	DPM	16,998	25,000	28,800	17,612	0.0	1.2	2.5	19.2	29.1	2.0	7.0	5.23	44.77
	HSG	9,625	15,500	21,100	13,350	-0.6	-0.6	-4.3	-6.9	43.5	1.2	2.9	4.21	44.79
	PHR	8,184	60,400	69,500	42,800	2.4	2.7	-4.9	14.4	13.5	2.5	20.8	12.97	36.03
	NKG	6,691	14,950	20,400	11,750	0.0	2.0	-3.5	10.7	19.3	1.6	8.5	5.03	44.97
	HT1	5,876	15,400	18,500	10,100	0.7	0.7	-5.5	21.3	23.1	3.4	14.7	2.09	46.91

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 13/02/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	GEE	64,599	176,500	245,800	44,250	7.0	7.0	-19.0	324.9	19.5	2.5	14.1	0.54	49.46
	REE	33,366	61,600	70,000	53,478	-0.6	0.5	-0.8	4.3	13.9	1.8	13.4	49.00	0.00
	GEX	33,930	37,600	65,700	20,238	7.0	9.8	-12.6	77.8	20.4	2.1	11.9	8.38	41.62
	VGC	22,552	50,300	66,600	36,500	4.0	-5.1	8.2	-0.8	22.6	2.0	10.5	2.90	46.10
	TCH	15,187	16,650	24,571	12,520	0.6	13.3	1.2	30.4	28.8	1.6	5.5	10.45	40.55
	BMP	13,016	159,000	184,200	105,500	-0.2	2.3	-9.6	33.3	11.7	4.4	39.4	83.73	16.27
	VCG	12,218	18,900	28,600	17,870	0.5	3.8	-17.5	-6.2	14.3	2.3	17.0	3.05	45.95
	CII	12,029	17,900	31,350	9,825	1.1	4.7	-6.0	43.2	20.1	2.6	13.4	3.46	36.54
	CTR	10,626	92,900	121,200	79,600	-0.1	-1.2	-8.0	-23.7	17.0	3.0	16.8	5.16	43.84
	DIG	12,623	15,850	25,100	12,667	0.3	3.6	-5.4	-1.4	27.0	1.4	5.6	2.92	46.08
	PC1	10,796	26,250	26,800	17,087	2.5	6.3	8.7	26.8	15.2	2.0	13.4	15.53	34.47
	CTD	8,616	80,900	98,571	65,238	-0.7	1.0	4.9	-5.6	7.8	1.5	21.6	48.98	0.02
	HHV	6,044	12,150	16,941	9,904	-0.4	0.8	-5.4	0.5	14.3	1.6	12.1	10.22	38.78
	SZC	6,093	33,850	46,200	28,300	0.0	-3.4	7.1	-22.3	15.8	1.8	11.7	5.43	14.57
Tiện ích	GAS	245,156	101,600	122,000	54,175	0.2	-11.7	-2.0	56.9	19.2	8.5	48.6	2.33	46.67
	POW	41,109	13,400	14,850	9,092	0.8	-0.7	-8.2	33.4	7.4	1.1	15.6	4.85	45.15
	BWE	9,787	44,500	53,000	38,000	1.1	2.3	-5.3	-2.7	708.7	1.8	0.4	3.91	45.09
	NT2	7,845	27,250	27,400	17,300	0.7	1.9	5.2	27.9	8.4	1.0	12.3	12.46	36.54
	PLX	66,071	52,000	59,600	33,300	0.6	-8.8	14.7	23.8	18.3	1.0	5.8	15.24	4.76
Dầu khí	PVD	18,983	34,150	34,150	17,150	3.0	4.0	12.5	45.3	16.5	0.9	5.5	12.73	36.27
	BSR	122,679	24,500	25,450	9,319	2.5	-0.2	16.9	99.3	15.3	1.7	11.3	1.79	47.21
	PVT	9,422	20,050	21,650	14,811	-0.5	-4.1	-4.8	2.8	8.0	1.1	14.2	10.59	38.41

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 13/02/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Thực phẩm và Đồ uống	VNM	145,252	69,500	73,000	53,800	0.7	0.6	9.8	14.5	15.5	1.5	9.7	50.42	49.58
	MSN	112,781	78,000	94,000	53,100	0.0	-0.3	-1.6	13.2	20.6	3.8	19.9	23.09	76.91
	SAB	62,204	48,500	53,800	42,650	-0.6	-0.5	-3.4	-6.2	14.3	2.7	18.2	58.38	41.62
	HAG	21,039	16,600	18,400	10,750	0.9	3.1	-4.0	33.9	17.0	1.5	10.5	2.03	46.97
	SBT	19,468	23,900	26,750	13,300	1.1	0.4	-0.4	77.0	31.0	1.9	6.4	19.96	80.04
	VHC	13,490	60,100	73,000	47,000	0.0	0.2	2.6	-14.1	15.1	2.3	15.9	20.66	79.34
	KDC	15,099	52,100	59,000	49,650	0.2	0.0	4.2	-11.4	43.3	2.2	5.1	16.39	33.61
	DBC	10,276	26,700	31,696	20,783	-0.4	-1.7	-2.9	13.7	10.5	1.7	17.0	1.51	47.49
	ANV	7,056	26,500	33,450	13,850	0.4	-2.9	-0.4	56.3	10.0	2.1	23.5	3.37	45.63
	PAN	6,601	31,600	35,300	22,100	-0.3	4.6	14.5	14.9	104.1	1.8	1.8	20.59	28.41
Bán lẻ	MWG	137,201	92,800	93,400	50,600	-0.1	5.0	6.5	69.3	6.1	1.1	20.0	47.50	1.50
	FRT	28,951	170,000	171,000	104,800	1.8	6.0	17.6	11.8	26.7	2.7	10.4	32.81	16.19
	DGW	11,169	50,500	54,900	30,900	-0.2	-5.6	16.2	33.8	42.2	1.8	4.3	22.36	26.64
Vận tải	VJC	91,641	169,200	212,500	82,400	0.7	1.9	-13.2	75.9	9.3	2.0	23.5	6.59	23.41
	GMD	31,987	75,000	75,000	43,100	0.7	4.9	19.2	21.6	18.1	2.0	11.4	39.22	9.78
	VTP	12,422	102,000	158,900	94,400	0.0	-7.8	-11.3	-35.3	42.7	7.7	18.5	5.54	43.46
	VSC	9,284	24,800	33,850	11,720	2.1	11.2	13.0	67.1	18.4	1.6	9.3	2.19	46.81
	SCS	5,171	54,500	75,800	51,300	0.4	1.7	2.6	-29.9	7.1	3.4	48.5	10.38	19.62
Phần mềm và dịch vụ	FPT	164,048	96,300	124,261	88,100	-2.5	-1.3	-2.6	-22.6	40.3	8.1	25.2	38.88	10.12
	CMG	7,943	34,100	41,636	27,909	-0.9	-1.9	1.9	-17.1	13.5	1.0	7.3	38.10	11.90
May mặc và trang sức	PNJ	40,938	120,000	127,000	69,600	1.3	10.2	16.6	26.3	15.2	0.8	4.9	47.67	1.33
Dược phẩm	IMP	8,224	53,400	55,700	39,200	-0.7	-1.3	0.6	11.5	17.9	1.3	7.3	51.09	26.87

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 13/02/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Quỹ mở và ETF

Hiệu suất giao dịch

Loại quỹ	Mã quỹ	Mã AMC	Ngày thành lập	Giá trị NAV / đơn vị	Hiệu suất (%)					
					Kể từ khi	1 tháng	6 tháng	YTD	1 năm	3 năm
Cổ phiếu	**MAGEF**	MAGI	07/2019	**23,487.78**	134.88%	5.23%	5.23%	24.47%	40.53%	83.72%
	SSI-SCA	SSIAM	09/2014	**49,116.94**	391.17%	7.44%	7.44%	15.87%	22.31%	89.44%
	VEOF	VCFM	07/2014	**38,850.91**	288.51%	9.86%	9.86%	19.12%	26.82%	75.11%
	VESAF	VCFM	04/2017	**37,650.94**	276.51%	12.27%	12.27%	15.74%	22.17%	77.52%
	DFVN-CAF	DFVN	01/2019	**19,361.17**	93.61%	9.74%	9.74%	15.65%	21.52%	44.88%
	UVEEF	UOBAM	11/2022	**18,945.66**	89.46%	2.41%	2.42%	21.73%	31.24%	68.91%
	BVFED	BVF	01/2014	**31,556.00**	215.56%	1.23%	1.23%	14.48%	41.42%	77.92%
	BVPF	BVF	12/2016	**24,040.00**	140.40%	5.80%	5.80%	10.42%	13.82%	53.47%
	FVEF	FIDES	04/2023	**17,145.00**	71.45%	6.52%	6.52%	20.27%	36.47%	-
	KDEF	KIM	04/2025	**13,656.60**	36.57%	5.52%	5.52%	16.70%	-	-
	LHCDF	LIGHTHOUSE	05/2024	**11,850.11**	18.50%	1.88%	1.88%	-0.60%	6.05%	-
	VCBF-BCF	VCBF	08/2014	**47,116.92**	371.17%	7.25%	7.25%	20.27%	31.69%	82.61%
	VCBF-MGF	VCBF	12/2021	**15,549.82**	55.50%	9.08%	9.08%	10.50%	15.71%	82.21%
	VCBF-AIF	VCBF	02/2025	**12,337.18**	23.37%	-	7.26%	16.99%	-	-
	TCGF	TCAM	10/2024	**12,742.98**	27.43%	4.99%	4.99%	7.48%	25.02%	-
	DCDS	DRAGON CAPITAL	05/2024	**110,247.62**	1002.48%	1.89%	1.91%	13.70%	38.56%	102.87%
	DCDE	DRAGON CAPITAL	02/2008	**33,009.91**	230.10%	5.92%	5.92%	8.37%	24.94%	70.78%
	PHVSF	PHU HUNG	11/2022	**14,323.73**	43.24%	6.71%	6.71%	10.69%	20.07%	42.98%
Trái phiếu	**MAFF**	MAGI	11/2021	**13,379.94**	33.80%	0.73%	0.73%	3.10%	6.09%	24.70%
	SSIBF	SSIAM	08/2017	**16,545.37**	65.45%	0.39%	0.39%	2.43%	4.89%	23.17%
	VFF	VCFM	04/2013	**25,677.80**	156.78%	0.57%	0.57%	3.80%	7.14%	23.48%
	DFVN-FIX	DFVN	02/2021	**11,986.50**	19.87%	0.50%	0.50%	2.81%	5.17%	16.83%
	BVBF	BVF	04/2016	**21,983.00**	119.83%	1.39%	1.39%	3.28%	5.85%	23.38%
	FBF	FIDES	01/2022	**12,260.00**	22.60%	0.39%	0.39%	2.22%	5.07%	16.82%
	LHBF	LIGHTHOUSE	12/2022	**14,737.05**	47.37%	0.45%	0.45%	2.25%	5.73%	-
	VCBF-FIF	VCBF	08/2019	**15,440.60**	54.41%	1.10%	1.10%	3.14%	5.99%	25.22%
	DCBF	DRAGON CAPITAL	06/2013	**29,126.42**	191.26%	0.45%	0.45%	3.32%	6.85%	24.83%
	DCIP	DRAGON CAPITAL	04/2019	**11,943.21**	19.43%	0.67%	0.67%	3.00%	5.88%	20.34%
Cân bằng	**VIBF**	VCFM	07/2019	**20,618.73**	106.19%	4.22%	4.22%	8.38%	15.86%	46.76%
	VCBF-TBF	VCBF	12/2013	**40,295.37**	302.95%	4.78%	4.78%	13.76%	21.10%	62.75%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fund Distribution **fundteam@miraeasset.com.vn**, cập nhật ngày 06/02/2026.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.